TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 4 - 2025
V/v ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu
Ông Mai Văn Ngọc

***- Ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Kiều Oanh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án sơ thẩm ly hôn thụ lý số 217/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Tiến P, sinh năm 1987

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố I, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; hiện cư trú tại: Số E, ngõ C, đường T, quận T, thành phố Đ, Đài Loan; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Hải L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai anh Phạm Tiến P *(viết tắt là nguyên đơn) trình bày*: Nguyên đơn và chị Võ Thị Hải L yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 21 tháng 7 năm 2014. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống; năm 2019 nguyên đơn đi lao động tại Đài Loan

vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng do không tin tưởng lẫn nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn chị Võ Thị Hải L.

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 02 con chung Phạm Bảo A, sinh ngày 01/9/2014 và Phạm Thanh B, sinh ngày 27/10/2018; hiện hai con đang sống cùng bị đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn nhất trí để bị đơn tiếp tục nuôi 02 con chung và nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn thừa nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/12/2024 chị Võ Thị Hải L *(viết tắt là bị đơn) trình bày*: Bị đơn nhất trí trình bày của nguyên đơn về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản và nợ. Sau khi kết hôn vợ chồng bị đơn sống hạnh phúc được hơn 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn cũng nhất trí ly hôn. Vợ chồng bị đơn có 02 con chung Phạm Bảo A, sinh ngày 01/9/2014 và Phạm Thanh B, sinh ngày 27/10/2018; hiện hai con đang sống cùng bị đơn, sau khi ly hôn bị đơn xin tiếp tục nuôi 02 con chung và chấp nhận việc nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí việc ly hôn; bị đơn xin nuôi 02 con chung và chấp nhận việc nguyên đơn đóng góp tiền nuôi hai con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng; vợ chồng bị đơn không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn; về con chung: Giao bị đơn nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Bảo A và Phạm Thanh B; chấp nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi hai cháu lần lượt tròn 18 tuổi; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn đang lao động tại Đài Loan làm đơn xin ly hôn bị đơn cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Nguyên đơn đang cư trú, lao động tại Đài Loan làm đơn xin ly hôn bị đơn; tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn được Văn phòng kinh tế, Văn hóa Việt Nam tại Đài Loan chứng thực; theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận các tài liệu do nguyên đơn giao nộp để tiến hành xét xử vụ án.

[4] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 21 tháng 7 năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được hơn 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng vợ chồng không phù hợp quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống nhau. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận việc thuận tình giữa nguyên đơn và bị đơn.

[5] Theo tài liệu do nguyên đơn giao nộp và trình bày của bị đơn tại phiên tòa thì anh chị có 02 con chung Phạm Bảo A, sinh ngày 01/9/2014 và Phạm Thanh B, sinh ngày 27/10/2018; hiện hai cháu đang sống cùng bị đơn, hiện tại nguyên đơn đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi hai cháu A và B. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận việc bị đơn xin tiếp tục nuôi 02 con chung và chấp nhận việc thỏa thuận nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi hai cháu A và B lần lượt tròn 18 tuổi.

[6] Tại đơn khởi kiện và tại Bản tự khai nguyên đơn trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nguyên đơn xin chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

[8] Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 2 Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Tiến P và chị Võ Thi Hải L..

2. Giao cho chị Võ Thị Hải L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Phạm Bảo A, sinh ngày 01/9/2014 và Phạm Thanh B, sinh ngày 27/10/2018. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh P về việc anh Phạm Tiến P đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi hai cháu A và B lần lượt tròn 18 tuổi.

Anh Phạm Tiến P có quyền được thăm 02 con chung A và B không ai được ngăn cản, sau này một trong hai bên có nhu cầu thay đổi người nuôi con, phí cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

3. Anh Phạm Tiến P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (chị Nguyễn Thị Thùy L1 nộp thay) tại biên lai số 0005153 ngày 11/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; anh P còn phải nộp 300.000 đồng án phí vụ kiện.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Võ Thị Hải L có mặt tại phiên toà biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/4/2025. Anh Phạm Tiến P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường Nam Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa